

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Chí Công;

Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/10/2022 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Dương O - Sinh năm: 1985. Địa chỉ xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Bị đơn: Cao B - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: xã Tân K, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp – PGD Hồng Ngự. Địa chỉ: 3-5 Nguyễn Huệ, Phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

- Người làm chứng: Võ Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ: xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Dương O trình bày:

- Về hôn nhân: chị O và anh B tìm hiểu quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân K, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay chị O xin được ly hôn với Cao B;

- Về con chung: Có hai con chung tên Cao Hoàng B, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Hoàng G, sinh ngày 13/3/2019 chị O yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi mỗi con theo quy định.

- Về tài sản chị O không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có tham gia dây hụi 5.000.000đ/tháng do bà Sen làm chủ chị O đã đóng được 7 lần rồi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh B đuổi chị O đi thì anh B đã hốt được khoảng 78.000.000đ nên chị O yêu cầu anh B trả lại cho chị O số tiền đã đóng 7 lần là 30.800.000đ.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Cao B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B và chị O quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều quan điểm bất đồng, đời sống chung không thể kéo dài hôn nhân không đạt nay anh B đồng ý ly hôn với Dương O;

- Về con chung: Có hai con chung tên Cao Hoàng Bảo Nam, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Hoàng Gia Phúc, sinh ngày 13/3/2019 anh B đồng ý giao hai con cho chị O nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật;

- Về tài sản Cao B không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trước đây thì vợ chồng có nợ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp – PGD Hồng Ngự số tiền 100.000.000đ hiện nay đã trả xong số tiền này nhưng số tiền vay này là chị O sử dụng vào việc mua đồ đạc buôn bán của chị O chứ anh B không có sử dụng gì số tiền này nên anh B yêu cầu chị O trả lại cho anh B số tiền này cả vốn và lãi là 120.300.000đ.

Chị O thừa nhận vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp – PGD Hồng Ngự số tiền 100.000.000đ mục đích vay sử dụng chung sinh hoạt trong gia đình nên không đồng ý theo yêu cầu anh B

Vợ chồng còn nợ tiền hụi của cô Sáu Súp dây hụi tháng 9/2019 đã mãn và anh B đã đóng đủ cho bà Sáu Súp với số tiền nợ hụi là 32.000.000đ nên anh B yêu cầu chị O trả lại cho anh B phân nửa số tiền trên là 16.000.000đ. Còn đối với khoản tiền chơi

hụi cô Sáu Súp thì đúng vợ chồng có chơi nhưng đã hết để sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình đã xong hết nên chị O không đồng ý với yêu cầu của anh B.

Đối với dây hụi của bà Sen chị O yêu cầu thì anh B đồng ý trả lại cho chị O số tiền 30.800.000đ cho chị O.

* Theo công văn số 02 ngày 21/3/2023 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp – PGD Hồng Ngự trình bày: Hiện nay anh Cao B không còn khoản nợ nào tại Ngân hàng nên Ngân hàng sẽ không tham gia vụ kiện và xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, Điều 56, Điều 81, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị O và không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh B. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con và nợ chung giữa Dương O và Cao B theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân hàng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị O và anh B cùng thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị O và anh B thống nhất có 02 con chung tên Cao Hoàng B, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Hoàng G, sinh ngày 13/3/2019. Chị O yêu cầu nuôi con và anh B cũng đồng ý giao hai con cho chị O nuôi dưỡng. Cháu Cao Hoàng B cũng có văn bản ý kiến muốn tiếp tục sống chung với mẹ. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó chị O được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Cao Hoàng B, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Hoàng G, sinh ngày 13/3/2019 là có căn cứ, đúng

theo quy định với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Anh B đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở đến khi các con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

[5] Về tài sản chung: Chị O và anh B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung:

Đối với yêu cầu phản tố của anh B:

- Nợ Ngân hàng: Anh B yêu cầu chị O trả lại số tiền vay và lãi 120.300.000đ. Xét thấy, theo anh B trình bày vào ngày 09/6/2020 anh B có vay tiền ngân hàng 100.000.000đ từ quỹ lương nhưng anh không có sử dụng mà đưa cho chị O mua vải bán lại. Chị O cũng thừa nhận vợ chồng có nợ ngân hàng 100.000.000đ nhưng đã trả được 50.000.000đ từ tiền của anh B. Tại phiên tòa anh B, chị O trình bày thời điểm vay tiền thì hai người vẫn là vợ chồng, mục đích vay mua vải bán lại để có tiền sinh lời phục vụ kinh tế chung của gia đình (có anh Toàn là người làm chứng). Hiện tại số tiền vay Ngân hàng đã tất toán xong, do anh B là người trực tiếp trả khoản vay từ tiền Quỹ lương xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Do đó, anh B yêu cầu chị O trả lại gốc lãi 120.300.000đ là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh B.

- Nợ hội: anh B yêu cầu chị O trả lại 16.000.000đ từ tiền hội. Anh B và chị O có tham gia dây hội của bà Sáu Súp và đã mượn vào tháng 9/2019. Theo chị O dây hội này đã hót xong và đã sử dụng sinh hoạt chung cho gia đình đã xài hết tiền nên không đồng ý trả lại tiền hội 16.000.000đ cho anh B. Lời trình bày của chị O không được anh B thừa nhận, mặc dù hội đã hót và sử dụng chung cho gia đình nhưng hội chết anh là người đóng cho bà Sáu Súp với số tiền là 32.000.000đ. Xét thấy, anh B thừa nhận cả vợ chồng có tham gia chơi hội nhưng thời điểm chơi hội anh B và chị O vẫn là vợ chồng sống chung với nhau, mục đích của việc chơi hội nhằm phục vụ sinh hoạt chung của gia đình, việc anh B hay chị O trả nợ hội vẫn là tiền chung của vợ chồng. Do đó, anh B yêu cầu chị O trả lại $\frac{1}{2}$ tiền hội 16.000.000đ là chưa có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh B.

Đối với yêu cầu của chị O: Chị O yêu cầu anh B trả lại cho chị O số tiền hội 30.800.000đ và anh B cũng đồng ý trả cho chị O số tiền này nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: chị O, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là

có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Dương O được ly hôn với Cao B.

2. Về con chung: Dương O được quyền tiếp tục 02 nuôi con chung tên Cao Hoàng B, sinh ngày 30/5/2013 và Cao Hoàng G, sinh ngày 13/3/2019.

Dương O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Cao B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Cao B tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2023.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Cao B về việc yêu cầu Dương O trả tiền nợ Ngân hàng và nợ hụi.

5. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Cao B đồng ý trả cho Dương O số tiền hụi 30.800.000 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí và tạm ứng án phí:

Dương O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Dương O đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0010659, ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Dương O đã nộp xong).

Hoàn trả cho Dương O tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 770.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0015917, ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Cao B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.355.000 đồng (Tám triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 3.407.500 đồng (Ba triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng) mà Cao B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015864, ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp Cao B còn phải nộp 5.247.500 đồng (Năm triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2023). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Tân Kc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm

